

LD VIETSOVPETRO
TRƯỞNG BAN ĐBTT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 30/12/2024

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		TD3+CNV	7:25	22+0	0+0		18+2	0+0	
2		BK16+TD5	7:25	6+16	0+0		6+16	0+0	
3		TD1+P10+GTC1	7:25	4+10+6	0+0+0		2+5+15	0+0+0	
4		CTC1+CTK3+P9	9:25	2+15+5	0+0+0		2+12+8	0+0+0	
5		CTK3+BK20+CTK3	9:25	21+1+0	0+0+0		0+1+21	0+0+0	chuyen 5 bk20- ctk3
6		P11+P5+PPD	9:25	0+0+20	0+0+0		0+0+22	0+0+0	chuyen 2 p11- p5
7		P3+P6+PPD	11:25	6+0+14	0+0+0		1+2+18	0+0+0	
8		TD5+P10+CTK3	11:25	9+0+12	0+0+0		0+8+13	0+0+0	
9		AMD+BK4+BK8	11:25	17+0+0	0+0+0		15+4+0	0+0+0	chuyen 1 bk4- bk8

TTBDSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.
1/ Đi về trong ngày P10-5ng



FLIGHT MANIFEST



DATE: 30/12/2024	TO: TD3 - CNV	AIRCRAFT: 410	ETD: 07:30
FLIGHT: 01	FROM: VT	CREW: LINH - TTRUNG - MQUÂN	ETA: 09:20
XANH-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	ĐỖ DUY CHÍNH	TD3	41	1	6			74	KHOAN	Vietnamese
2	PHẠM XUÂN HIẾU	TD3	44	1	2			64	KHOAN	Vietnamese
3	ĐOÀN QUANG BẠC	TD3	35	1	4			69	KHOAN	Vietnamese
4	NGUYỄN VĂN HUY THAI	TD3						74	KHOAN	Vietnamese
5	BUI CÔNG SƠN	TD3	38	1	4			67	KHOAN	Vietnamese
6	LÊ HỒNG VƯƠNG	TD3	33	1	12			70	KHOAN	Vietnamese
7	HUYNH AI HUU	TD3	39-40	2	10			76	KHOAN	Vietnamese
8	MAKAROV EVGENY	TD3	36	1	10			82	AN TOAN	Russian
9	NGUYỄN TUẤN MINH	TD3	42-43	2	17			76	PVDWS	Vietnamese
10	NGUYỄN VĂN QUANG	TD3	50-51	2	15			82	PVDWS	Vietnamese
11	HÀ VIỆT HÙNG	TD3	53	1	12			68	PVDWS	Vietnamese
12	TRẦN VĂN HOÀN	TD3	52	1	10			65	PVDWS	Vietnamese
13	NGUYỄN VĂN HUNG	TD3	45	1	12			70	PVDWS	Vietnamese
14	CAO VĂN THĂNG	TD3	48-49	2	19			70	PVDWS	Vietnamese
15	NGUYỄN VĂN HUNG	TD3	37	1	6			79	KHOAN	Vietnamese
16	LÊ ANH XUÂN	TD3	54	1	4			71	KHOAN	Vietnamese
17	VŨ TIẾN DŨNG	TD3						72	KHOAN	Vietnamese
18	HÀ SỸ NGUYỄN	TD3	32	1	4			62	KHOAN	Vietnamese
19	ĐẶNG VĂN KHOA	TD3	31	1	11			70	KHOAN	Vietnamese
20	TRẦN VĂN GIANG	TD3	29-30	2	11			74	DVL	Vietnamese
21	NGUYỄN TRUNG TÂM	TD3	34	1	3			75	PSV	Vietnamese
22	BUI HAI THANH	TD3	46-47	2	15			70	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	TD3	22	1.580	26	187	0	0	18		
2	CNV	0	0	0	0	4	60	2		
TOTAL		22	1.580	26	187	4	60	20		
WEIGHT KG			1.580		187		60			

GRAND TOAL: 1.827 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 30/12/2024	TO: BK16 - TD5	AIRCRAFT: 416	ETD: 07:40
FLIGHT: 02	FROM: VT	CREW: LHM - HUC - HTNAM	ETA: 09:30
VANG-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	LUU VAN SON	BK16	56	1	4			72	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYEN VAN LIEU	BK16	34	1	5			77	KH-THAC	Vietnamese
3	PHAM VAN HA	BK16	32	1	7			73	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYEN VIET TIEN	BK16	33	1	5	1	20	69	KH-THAC	Vietnamese
5	TRAN DUC BAU	BK16	30	1	8			58	KH-THAC	Vietnamese
6	VU DINH CHIEN	BK16	55	1	4			72	PSV	Vietnamese
7	MAI HAI LONG	TD5	78	1	4			71	D-HANH	Vietnamese
8	NGUYEN NHU Y	TD5	77	1	7			73	KHOAN	Vietnamese
9	DINH VAN SU	TD5						81	KHOAN	Vietnamese
10	LE VAN HIEN	TD5	24	1	12			78	KHOAN	Vietnamese
11	PHAM VAN LUAN	TD5	73	1	5			61	KHOAN	Vietnamese
12	TRINH ANH TRUONG	TD5	71	1	4	1	10	69	KHOAN	Vietnamese
13	VU XUAN ANH	TD5	72	1	4			60	KHOAN	Vietnamese
14	HO SI PHUNG	TD5	28	1	4			67	KHOAN	Vietnamese
15	LE ANH SON	TD5	74	1	11			69	DMC-MI	Vietnamese
16	TRAN QUOC CUONG	TD5	75-76	2	14			58	DMC-MI	Vietnamese
17	NGUYEN TIEN DUNG	TD5	25-26	2	17			91	PVDWS	Vietnamese
18	DO VAN TUONG	TD5	27	1	12			67	PVDWS	Vietnamese
19	NGUYEN VAN HIEN	TD5	79	1	4			63	KHOAN	Vietnamese
20	NGUYEN MINH HIEU	TD5	70	1	6			81	KHOAN	Vietnamese
21	NGUYEN TRUONG THIEN	TD5	80	1	11			82	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	BK16	6	421	6	33	1	20	6		
2	TD5	15	1.071	16	115	1	10	16		
TOTAL		21	1.492	22	148	2	30	22		
WEIGHT KG			1.492		148		30			

GRAND TOAL: 1.670 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 30/12/2024	TO: TD1 - P10 - GTC1	AIRCRAFT: 406	ETD: 07:35
FLIGHT: 03	FROM: VT	CREW: HUNG - M.ĐỨC - HIẾU	ETA: 09:25
CAM-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	CAO ĐÁC DÂN	TD1	18-19	2	19			75	CODIEN	Vietnamese
2	LÊ TRỌNG TUYẾN	TD1	21	1	10			63	CODIEN	Vietnamese
3	NGUYỄN THỂ DU	TD1	22	1	7			72	CODIEN	Vietnamese
4	NGUYỄN QUANG LINH	TD1	20	1	9			76	CODIEN	Vietnamese
5	ĐỖ VĂN QUYẾT	P10	15	1	3			87	QUYETTHA	Vietnamese
6	HOANG ANH TỬ	P10						81	D-HANH	Vietnamese
7	NGUYỄN CẢNH TÂN	P10	14	1	3			70	KH-THAC	Vietnamese
8	TRẦN VĂN LINH	P10	16	1	3			72	NIPI	Vietnamese
9	NGUYỄN THỊ HẰNG	P10	17	1	3			59	NIPI	Vietnamese
10	PHẠM HIẾU LIÊM	P10	11-12	2	11			65	KH-THAC	Vietnamese
11	HA VAN THIEN	P10	09	1	4			74	PSV	Vietnamese
12	PHẠM MINH TÂM	P10	13	1	8			62	PSV	Vietnamese
13	NGUYỄN ANH QUANG	P10	10	1	5			62	PSV	Vietnamese
14	LÊ VĂN ĐỨC	P10	08	1	7			61	PSV	Vietnamese
15	HOANG XUÂN HIẾU	GTC1	34	1	6			62	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN HỮU TÂN	GTC1	38	1	8			70	KH-THAC	Vietnamese
17	ĐẶNG TRẦN KHÁNH	GTC1	40	1	6			74	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN HIẾU TRUNG	GTC1	35	1	7	1	12	81	KH-THAC	Vietnamese
19	LÊ QUANG HÀ	GTC1	36	1	6	1	20	78	PSV	Vietnamese
20	LÊ ĐỨC THIÊN	GTC1	33	1	6			62	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	TD1	4	286	5	45	0	0	2		
2	P10	10	693	10	47	0	0	5		
3	GTC1	6	427	6	39	2	32	15		
TOTAL		20	1.406	21	131	2	32	22		
WEIGHT KG			1.406		131		32			

GRAND TOAL: 1.569 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 30/12/2024	TO: CTC1 - CTK3 - P9	AIRCRAFT: 410	ETD: 09:50
FLIGHT: 04	FROM: VT	CREW: LINH - TTRUNG - MQUÂN	ETA: 11:40
XANH-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	VU ANH TUAN	CTC1	48-49	2	20	3	50	72	KH-THAC	Vietnamese
2	VU MINH TUNG	CTC1	50	1	9	1	20	71	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYEN VAN DUNG	CTK3	20-21	2	14			56	KH-THAC	Vietnamese
4	NGO PHAM THANH HUY	CTK3	22-23	2	15			84	KH-THAC	Vietnamese
5	PHAM MINH TUAN	CTK3	24-25	2	12			77	KH-THAC	Vietnamese
6	PHAM THANH HAI	CTK3	18	1	9	1	4	73	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYEN NGOC HIEU	CTK3	14	1	4			73	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYEN ANH DUC	CTK3	31-32	2	9			71	KH-THAC	Vietnamese
9	TO TRONG TUAN	CTK3	13	1	8			83	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYEN ANH TUAN	CTK3	12	1	8			86	KH-THAC	Vietnamese
11	TRAN MANH HUNG	CTK3	17	1	5			67	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYEN VAN HIEU	CTK3	30	1	7			72	KH-THAC	Vietnamese
13	LE XUAN TIEN	CTK3	07	1	6			53	NAM TIEN	Vietnamese
14	Dinh Van Thong	CTK3	09-10	2	15			71	KH-THAC	Vietnamese
15	NGO DINH THAM	CTK3	36-37	2	11			59	KH-THAC	Vietnamese
16	LE DUC THANG	CTK3	28-29	2	10			80	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYEN TRONG MAN	CTK3	19	1	5			55	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYEN TIEN TUET	P9	34	1	9			67	KH-THAC	Vietnamese
19	BUI VAN QUAN (1987)	P9	32	1	4	1	5	66	PSV	Vietnamese
20	LE VAN VIET	P9	36	1	3			80	PSV	Vietnamese
21	LE DUC CUONG (1967)	P9	35	1	8			55	PSV	Vietnamese
22	NGUYEN QUOC TUAN	P9	37	1	7			73	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	CTC1	2	143	3	29	4	70	2		
2	CTK3	15	1.060	22	138	1	4	12		
3	P9	5	341	5	31	1	5	8		
TOTAL		22	1.544	30	198	6	79	22		
WEIGHT KG			1.544		198		79			

GRAND TOAL: 1.821 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CARTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 30/12/2024	TO: CTK3 - BK20 - CTK3.	AIRCRAFT: 416	ETD: 10:00
FLIGHT: 05	FROM: VT	CREW: LHM - HƯC - HTNAM	ETA: 11:50
CAM-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	PHẠM VĂN ĐIỂM	CTK3	09	1	4	5	90	72	KH-THAC	Vietnamese
2	PHẠM CÔNG ƯỚC	CTK3	16	1	7			72	KH-THAC	Vietnamese
3	TRẦN TRUNG KIẾN	CTK3						75	KH-THAC	Vietnamese
4	VÕ MẠU MÈN	CTK3	03	1	7	1	10	74	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN MINH ĐIỆN	CTK3	08	1	5			68	KH-THAC	Vietnamese
6	PHẠM BA HOANG	CTK3	01	1	10	1	6	70	KH-THAC	Vietnamese
7	TRƯƠNG QUỐC BAO	CTK3	18-19	2	6			58	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN TUẤN ANH	CTK3	12-13	2	13			60	KH-THAC	Vietnamese
9	TRẦN TRUNG THANH	CTK3	14	1	6			84	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN NHAN KHANH	CTK3	15	1	7			68	KH-THAC	Vietnamese
11	BUI THANH HOAT	CTK3	07	1	10			67	KH-THAC	Vietnamese
12	VŨ TRỌNG NGHĨA	CTK3	17	1	6			70	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN ĐÌNH TUẤN	CTK3	10-11	2	7			71	KH-THAC	Vietnamese
14	VŨ VĂN HOA	CTK3	21	1	7			60	NAM TIEN	Vietnamese
15	NGUYỄN HỮU NHAN	CTK3	22	1	7			62	NAM TIEN	Vietnamese
16	BUI TRẦN TIEN	CTK3	04	1	7			65	NAM TIEN	Vietnamese
17	CAO BA QUANG	CTK3	24	1	4			70	NAM TIEN	Vietnamese
18	LA HẬU	CTK3	20	1	7			62	NAM TIEN	Vietnamese
19	LE NGOC HAI	CTK3	11	1	8			99	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYỄN DUY DUNG	CTK3	23	1	10			85	NAM TIEN	Vietnamese
21	NGUYỄN VĂN THANH	CTK3	05-06	2	9			62	NAM TIEN	Vietnamese
22	BUI QUỐC DƯƠNG	BK20	12	1	7	4	50	56	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	CTK3	21	1.474	24	147	7	106	0		
2	BK20	1	56	1	7	4	50	1 + 5		CHUYEN 5 PAX BK20-CTK3
3	CTK3.	0	0	0	0	0	0	21		
TOTAL		22	1.530	25	154	11	156	22		
WEIGHT KG			1.530		154		156			

GRAND TOAL: 1.840 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 30/12/2024	TO: P11 - P5 - PPD	AIRCRAFT: 406	ETD: 09:55
FLIGHT: 06	FROM: VT	CREW: HÙNG - M.ĐỨC - HIẾU	ETA: 11:45
TRANG-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	NGUYỄN MẠNH CUÔNG	PPD	92-93	2	11			81	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN VĂN GIANG	PPD	86-87	2	7			56	KH-THAC	Vietnamese
3	HOANG NHẬT QUANG	PPD	91	1	5			73	KH-THAC	Vietnamese
4	LÊ QUANG NINH	PPD	98	1	6			69	KHI	Vietnamese
5	TRẦN THANH QUANG	PPD	04-05	2	10			77	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN TRƯỜNG SƠN	PPD	96	1	3			76	KH-THAC	Vietnamese
7	TRẦN NGỌC ĐỨC THĂNG	PPD	03	1	7	5	90	66	KH-THAC	Vietnamese
8	PHI DUY HOAN	PPD	99	1	8			76	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN THANH BÌNH	PPD	01-02	2	16			86	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN ĐÌNH TUÂN	PPD	97	1	8			56	KH-THAC	Vietnamese
11	TÔ HIỀN THANH	PPD	700	1	5			57	KH-THAC	Vietnamese
12	TRẦN VĂN MẠNH	PPD	06	1	7			50	KH-THAC	Vietnamese
13	TRƯƠNG TUÂN HÙNG	PPD	84	1	4			67	KH-THAC	Vietnamese
14	K LY	PPD	76-77	2	22			71	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN KHÁC LAM	PPD	07	1	4			70	KH-THAC	Vietnamese
16	TRẦN VĂN TÂN	PPD	88	1	3			74	KH-THAC	Vietnamese
17	PHAN VĂN THĂNG	PPD	85	1	4			76	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN ĐỨC DUNG	PPD	90	1	9			101	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYỄN VĂN NHAN	PPD	89	1	3			74	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYỄN NGỌC DU	PPD	94-95	2	10			69	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	P11	0	0	0	0	1	12	0	2	CHUYEN 2 PAX P11-P5
2	P5	0	0	0	0	1	7	0		
3	PPD	20	1.425	26	152	5	90	22		
TOTAL		20	1.425	26	152	7	109	22		
WEIGHT KG			1.425		152		109			

GRAND TOAL: 1.686 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 30/12/2024	TO: P3 - P6 - PPD	AIRCRAFT: 416	ETD: 12:20
FLIGHT: 07	FROM: VT	CREW: LHM - HUC - HTNAM	ETA: 14:10
VANG-3			

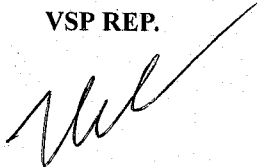
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	NGUYEN THE HANH	P3	49	1	10			67	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYEN QUY TAI	P3	48	1	12	2	30	60	KH-THAC	Vietnamese
3	LE HONG CUONG	P3	44-45	2	20			70	KH-THAC	Vietnamese
4	DOAN HONG DUONG	P3	52	1	7			72	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYEN DOAN DUC	P3	50-51	2	14			80	KH-THAC	Vietnamese
6	PHAM HONG DIEN	P3	46-47	2	14			66	PSV	Vietnamese
7	NGUYEN KHAC THE	PPD	66-67	2	14			57	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYEN VAN LAM	PPD	63	1	8			94	ANTOAN	Vietnamese
9	LUU QUY TRUNG	PPD	65	1	3			71	PSV	Vietnamese
10	NGUYEN DINH AN	PPD	68	1	4			57	PSV	Vietnamese
11	TRAN MAU SON	PPD	64	1	5	1	20	73	PSV	Vietnamese
12	NGUYEN NGOC LINH	PPD	72	1	3			67	PSV	Vietnamese
13	HOANG VAN DOANH	PPD	69	1	3			67	PSV	Vietnamese
14	TRAN MINH THUAN	PPD	70	1	4			72	PSV	Vietnamese
15	TA QUANG PHUC	PPD	62	1	2			104	PSV	Vietnamese
16	NGUYEN TIEN TEO	PPD	74	1	4			52	PSV	Vietnamese
17	HOANG XUAN DONG	PPD	71	1	4			60	PSV	Vietnamese
18	LY CHUYEN CHIEU	PPD	75	1	2			102	PSV	Vietnamese
19	HOANG VIET ANH	PPD	78	1	7			65	PSV	Vietnamese
20	LUONG MANH HUONG	PPD	73	1	4			64	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

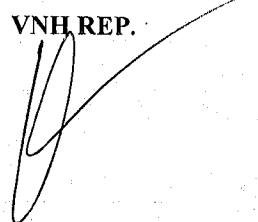
No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	P3	6	415	9	77	2	30	1		
2	P6	0	0	0	0	0	0	2		
3	PPD	14	1.005	15	67	1	20	16		
TOTAL		20	1.420	24	144	3	50	19		
WEIGHT KG			1.420		144		50			

GRAND TOAL: 1.614 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 30/12/2024	TO: TD5 - P10 - CTK3	AIRCRAFT: 410	ETD: 12:10
FLIGHT: 08	FROM: VT	CREW: CHIẾN - HTRUNG -	ETA: 14:00
NAU-3		THÀNH	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	NGUYỄN HUY DŨNG	TD5	83	1	7			83	KHOAN	Vietnamese
2	NGUYỄN HỮU ĐỨC TÂM	TD5	84	1	13			72	KHOAN	Vietnamese
3	AZROY BIN MOHD SAAD	TD5	92-93	2	20			86	SCHLUMB	Malaysian
4	TRẦN XUÂN TRƯỞNG	TD5	94	1	11			77	CODIEN	Vietnamese
5	NGUYỄN NGỌC KHOA	TD5	95	1	12	2	37	93	CODIEN	Vietnamese
6	NGUYỄN TIẾN THANH	TD5	87-89	3	12			62	CODIEN	Vietnamese
7	TRẦN QUỐC BÌNH	TD5	90-91	2	11			63	CODIEN	Vietnamese
8	LÊ THANH TÚ	TD5	85-86	2	15			80	DVL	Vietnamese
9	TRAN DACTHANG	TD5	82	1	3			72	PSV	Vietnamese
10	VŨ ĐỨC MẠNH	CTK3	54-55	2	13	1	20	61	NAM TIEN	Vietnamese
11	ĐO VĂN KHANH	CTK3	52	1	4			76	PSV	Vietnamese
12	TRẦN ĐÌNH MINH	CTK3	51	1	3			83	PSV	Vietnamese
13	HOÀNG VĂN BẠC	CTK3						70	PSV	Vietnamese
14	PHAN CÔNG SÂM	CTK3	50	1	5			66	PSV	Vietnamese
15	TRẦN HÙNG ANH	CTK3	46	1	5			69	PSV	Vietnamese
16	NGUYỄN ĐĂNG TUNG	CTK3	56	1	3			63	PSV	Vietnamese
17	PHAN VĂN HÒA	CTK3	49	1	4			59	PSV	Vietnamese
18	NGUYỄN XUÂN ANH	CTK3	48	1	6			78	PSV	Vietnamese
19	NGUYỄN MINH HOÀNG	CTK3	47	1	5			75	PSV	Vietnamese
20	TRẦN VĂN TIẾN	CTK3	53	1	4			64	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	TD5	9	688	14	104	2	37	0		
2	P10	0	0	0	0	0	0	8		
3	CTK3	11	764	11	52	1	20	14		
TOTAL		20	1.452	25	156	3	57	22		
WEIGHT KG			1.452		156		57			

GRAND TOAL: 1.665 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 30/12/2024	TO: AMD - BK4 - BK8	AIRCRAFT: 406	ETD: 12:15
FLIGHT: 09	FROM: VT	CREW: XHOÀN - MTHAO -	ETA: 14:05
XANH-3		QTRƯỜNG	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	ĐÀO MINH TUẤN	AMD	24	1	6			88	KH-THAC	Vietnamese
2	TRƯỜNG LÊ ANH DUNG	AMD	15-16	2	22			80	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN XUÂN THIN	AMD	28	1	10			67	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN NAM TRUNG	AMD	17	1	5			72	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN VĂN VINH	AMD	18	1	4			60	KH-THAC	Vietnamese
6	TÀNG VĂN BA	AMD	10	1	9			76	KH-THAC	Vietnamese
7	TRẦN VĂN THUY	AMD	22	1	5			74	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN LÊ DUY LÊ	AMD	11	1	8			80	KH-THAC	Vietnamese
9	ĐÀO CÔNG BÌNH	AMD	07	1	10	1	20	66	KH-THAC	Vietnamese
10	HOÀNG ĐÌNH VINH	AMD	12-14	3	20			66	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN LƯƠNG HÀ NAM	AMD	19-20	2	11			75	KH-THAC	Vietnamese
12	LÂM VĂN HẠNH	AMD	09	1	8			61	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN MINH	AMD	29-30	2	11			70	PHATECO	Vietnamese
14	TRẦN QUANG NGUYỄN	AMD	25	1	9			69	PHATECO	Vietnamese
15	LÊ NGỌC CHÂN	AMD	21	1	4			72	PHATECO	Vietnamese
16	LÊ NHƯ HÙNG	AMD	23	1	8			58	PHATECO	Vietnamese
17	ĐẶNG QUỐC TU	AMD	26-27	2	14			75	PHATECO	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	AMD	17	1.209	23	164	1	20	15		
2	BK4	0	0	0	0	1	20	4+	1	CHUYEN 1 PAX BK4-BK8
3	BK8	0	0	0	0	0	0	0		
TOTAL		17	1.209	23	164	2	40	19		
WEIGHT KG			1.209		164		40			

GRAND TOAL: 1.413 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN